

BÁO CÁO

Kết quả công tác cải cách hành chính Quý I và phương hướng, nhiệm vụ Quý II năm 2022

Thực hiện Công văn số 872/UBND-VXNV ngày 04/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ. Sở Tư pháp báo cáo kết quả cải cách hành chính Quý I năm 2022, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC):

Thực hiện Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022. Ban hành Quyết định số 135/QĐ-STP ngày 29/11/2021 về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022. Trong đó, Kế hoạch xác định 28 nhiệm vụ trọng tâm trên 07 nội dung cải cách hành chính phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Sở. Ngoài ra, ban hành các Kế hoạch liên quan đến công tác cải cách hành chính như: Kế hoạch số 2989/KH-STP ngày 30/12/2021 về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; Kế hoạch số 11/KH-STP ngày 05/01/2022 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022.

2. Tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính:

a) Giám đốc Sở trực tiếp phụ trách công tác cải cách hành chính; phân công trưởng phòng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở có trách nhiệm tham mưu thực hiện công tác cải cách hành chính của phòng, đơn vị được giao.

b) Chỉ đạo các phòng, đơn vị có liên quan tham gia vào quá trình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính một cách toàn diện, sát với thực tế; duy trì các cuộc họp giao ban của Lãnh đạo Sở hàng tuần, giao ban lãnh đạo các phòng, đơn vị trực thuộc Sở hàng tháng. Qua đó đánh giá kịp thời tình hình thực hiện Kế hoạch công tác của các phòng, đơn vị và triển khai các chủ trương, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo sự thông suốt trong chỉ đạo, điều hành.

c) Đề kịp thời biểu dương khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác cải cách hành chính, đồng thời thực hiện đạt hiệu quả cải cách hành chính năm 2022; tăng cường năng lực quản lý, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong giải quyết công việc thông qua việc ứng dụng các phần mềm quản lý, văn bản điện tử; Sở đã ban hành Kế hoạch số 19/KH-STP ngày 06/01/2022 về phát động phong trào thi đua cải cách hành chính năm 2022.

3. Công tác kiểm tra cải cách hành chính:

Xác định tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính, Lãnh đạo Sở đã đưa nội dung kiểm tra là một trong những nhiệm vụ trọng tâm năm 2022, nhằm đánh giá kết quả triển khai công tác cải cách hành chính tại các phòng, đơn vị trực thuộc.

Ban hành Quyết định số 02/QĐ-STP ngày 13/01/2022 về phê duyệt Kế hoạch kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2021.

4. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính:

Ban hành Kế hoạch số 06/KH-STP ngày 04/01/2022 về tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2022 được lồng ghép trong Chương trình phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và Báo Ninh Thuận.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế:

a) Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 về Danh mục xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2022 (gồm 41 Quyết định); Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 về bổ sung Danh mục xây dựng quyết định của UBND tỉnh năm 2022 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn (gồm 01 Quyết định); Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 về điều chỉnh Danh mục xây dựng quyết định của UBND tỉnh năm 2021 chuyển sang năm 2022 thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (gồm 04 Quyết định); Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 về công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực năm 2021. Trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trong năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh.

Đối với Danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành tại Nghị quyết số 119/NQ-HĐND ngày 11/12/2021; Kế hoạch số 553/KH-UBND ngày 14/02/2022 của UBND tỉnh. Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tư pháp đang phối hợp các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các chủ đầu tư rà soát, bổ sung danh mục Nghị quyết HĐND tỉnh ban hành trong năm 2022, nhất là các nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy (kể cả nghị quyết Tỉnh ủy dự kiến ban hành trong năm 2022); các nghị quyết phát sinh do yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm 2022.

Ban hành các Báo cáo: Kết quả kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước; Kết quả thực hiện Kế hoạch số 1492/KH-UBND ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh trong năm 2021; đánh giá kết quả đối với các cơ quan, đơn vị chủ trì, tham mưu UBND tỉnh trình các nghị quyết HĐND tỉnh trong năm 2021; đánh giá tác động chính sách, đánh giá tác động TTHC trong dự án, dự thảo VBQPPL. Đề nghị rà soát đăng ký danh mục xây dựng Quyết định của UBND tỉnh năm 2022; thực hiện chính sách, pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu, giai đoạn 2016-2021.

Tổng số văn bản góp ý, thẩm định từ ngày 05/12/2021 đến ngày 05/3/2022: có 122 văn bản, gồm 22 thẩm định, 100 góp ý; cập nhật cơ sở dữ liệu pháp luật quốc

gia về văn bản quy phạm pháp luật: 08 văn bản. Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 05/3/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 08 Quyết định quy phạm pháp luật.

b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật:

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 479/KH-UBND ngày 08/02/2022 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Báo cáo kết quả khảo sát theo dõi thi hành pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai, rừng trên địa bàn tỉnh. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc các Sở, ngành, địa phương chức năng để tham mưu xử lý vi phạm hành chính đúng quy định pháp luật. Hướng dẫn cưỡng chế quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Công ty TNHH công nghệ cao Ninh Thuận Agritech; có ý kiến về khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thi hành quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; tư vấn xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ án hình sự tại tiểu khu 118 xã Ma Nối.

c) Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 260/KH-UBND ngày 18/01/2022 về thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022; Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh ban hành Kế hoạch số 332/KH-HĐPH ngày 23/01/2022 về Hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh năm 2022. Ký kết Chương trình phối hợp thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh năm 2022 số 224/CTR-STP-ĐPTTH ngày 28/01/2022 và Chương trình phối hợp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trên Báo Ninh Thuận năm 2022 số 154/CTRPH-STP-BNT ngày 20/01/2022.

d) Công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL:

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 6326/KH-UBND ngày 21/12/2021 về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật năm 2022; Kế hoạch số 6933/KH-UBND ngày 21/12/2021 về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2022; Báo cáo số 26/BC-UBND ngày 25/01/2022 về kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2021, kết quả¹; Báo cáo số 27/BC-UBND ngày 28/01/2022 về kết quả công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2021, văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong năm 2021, gồm 99

¹ Đối với cấp tỉnh: UBND tỉnh đã rà soát, hệ thống hóa VBQPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng số 245 văn bản. Trong đó: VBQPPL hết hiệu lực toàn bộ năm 2021 là 69 văn bản; VBQPPL hết hiệu lực thi hành một phần: năm 2021 là 15 văn bản; VBQPPL còn hiệu lực thi hành: năm 2021 là 161 văn bản; VBQPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ là 08 văn bản. Đối với cấp huyện: VBQPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành: Rà soát là 44 văn bản, trong đó: VBQPPL còn hiệu thi hành là 33 văn bản; VBQPPL hết hiệu thi hành toàn bộ là 11 văn bản. Sau khi rà soát, có 03/07 huyện, thành phố ban hành Quyết định công bố danh mục VBQPPL hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thuộc đối tượng rà soát, hệ thống hóa trong năm. Đối với cấp xã: VBQPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát: Tổng số văn bản rà soát là 04 văn bản. Trong đó: VBQPPL còn hiệu thi hành là 02 văn bản; VBQPPL hết hiệu thi hành toàn bộ là 02 văn bản.

quyết định. Kết quả². Đối với các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, khi tự kiểm tra phát hiện có nội dung trái pháp luật, sai sót về thể thức, kỹ thuật trình bày, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chỉ đạo yêu cầu kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với các cơ quan, công chức tham mưu ban hành, góp phần đảm bảo kỷ luật, kỷ cương trong công tác xây dựng văn bản ở địa phương.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC):

Công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở và bảng niêm yết công khai tại trụ Sở cơ quan, đơn vị: 122 thủ tục, bao gồm 13 thủ tục trên hệ thống một cửa điện tử không thực hiện trên Cổng dịch vụ hành chính công của tỉnh (tại cơ quan Sở: 01 thủ tục; phòng Công chứng số 1: 03 thủ tục; Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước: 09 thủ tục). Đối với 01 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp: thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi. Lý do không cập nhật trên Cổng dịch vụ hành chính công của tỉnh³.

Sở Tư pháp tiếp nhận 7.299 hồ sơ và giải quyết 6.992 hồ sơ (trong đó: trước hạn 302, đúng hạn 6.687 và trễ hạn 03 hồ sơ - Lý do: Lỗi do Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia và người có án tích xác minh, hồ sơ này Sở đã có thư xin lỗi), số hồ sơ đang giải quyết (trong thời hạn) 307. Từ đầu năm 2022 đến nay không có phản ánh kiến nghị về thủ tục hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy:

Báo cáo số liệu kết quả sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2015-2021; báo cáo giao chỉ tiêu biên chế công chức hành chính đối với các tổ chức cấu thành bên trong của cơ quan. Tiếp tục tổ chức triển khai Thông tư số 07/2020/TT-BTP ngày 22/12/2020 của Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Cải cách chế độ công vụ:

a) Đang tiến hành rà soát, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm các cơ quan hành chính theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ; rà soát, hoàn thiện đề án vị trí việc làm các đơn vị sự nghiệp.

b) Thực hiện tuyển dụng viên chức: Ban hành Quyết định số 144/QĐ-STP ngày 29/12/2021 về công nhận kết quả xét tuyển viên chức năm 2021 của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước trực thuộc Sở Tư pháp; số thí sinh tham gia phỏng vấn xét tuyển lần 2: 13 người; số thí sinh trúng tuyển: 03 người.

² Có 02/99 quyết định có dấu hiệu trái pháp luật; 26/99 quyết định có sai sót về thể thức, kỹ thuật trình bày (căn cứ pháp lý: 15 văn bản; đánh số trang văn bản: 03 văn bản; một số khác: 08 văn bản); 01 quyết định chưa tuân thủ theo quy định (không qua thẩm định).

³ 01 thủ tục Cấp bản sao từ sổ gốc (theo Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 25/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh, thì: địa điểm thực hiện tại các cơ quan, tổ chức quản lý sổ gốc) và 03 thủ tục chứng thực bản sao được thực hiện tại Tổ chức hành nghề công chứng (bao gồm công chứng công và công chứng tư); 09 thủ tục thuộc lĩnh vực trợ giúp pháp lý: Người thực hiện trợ giúp pháp lý phải là Trợ giúp viên pháp lý quy định tại điểm q khoản 1 Điều 17 và khoản 2 Điều 30 Luật trợ giúp pháp lý năm 2017, quy định “Người tiếp nhận yêu cầu phải kiểm tra các nội dung có liên quan đến yêu cầu trợ giúp pháp lý và trả lời ngay cho người yêu cầu về hồ sơ đủ điều kiện để thụ lý hoặc phải bổ sung giấy tờ, tài liệu có liên quan”.

c) Ban hành Kế hoạch số 2854/KH-STP ngày 17/12/2021 về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức Sở Tư pháp giai đoạn 2021-202

d) Việc đánh giá, xếp loại được thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh gắn với việc đánh giá, xếp loại, bình xét thi đua hằng tháng, quý, năm đối với từng công chức, viên chức theo quy định tại và trên hệ thống phần mềm đánh giá công chức, viên chức.

đ) Ngày 08/02/2022, Tổ Kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính của tỉnh tiến hành kiểm tra đột xuất tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; theo đó công chức Sở Tư pháp vi phạm giờ giấc làm việc. Công chức rút kinh nghiệm; hạ 01 bậc xếp loại trong tháng 02/2022.

5. Cải cách tài chính công:

Ban hành Quyết định số 11/QĐ-STP ngày 11/02/2022 về ban hành Chương trình Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022; Quyết định số 141/QĐ-STP ngày 24/12/2022 về ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025 của Sở Tư pháp; Kế hoạch số 13/KH-STP ngày 05/01/2022 về giao tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường tính minh bạch và quyền giám sát của mỗi công chức, viên chức; theo dõi, quản lý chặt chẽ việc sử dụng và tiết kiệm tối đa kinh phí được cấp hằng năm và tài sản của cơ quan.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số:

Đề triển khai thực hiện có hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, ban hành Kế hoạch số 2819/KH-STP ngày 14/12/2022 về phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng của Sở Tư pháp năm 2022; xây dựng, áp dụng, duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Sở Tư pháp năm 2022.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong Quý I năm 2022, Sở Tư pháp đã hoàn thành cơ bản công việc nhiệm vụ cải cách hành chính theo kế hoạch đề ra; kịp thời tuyên truyền đến toàn thể công chức, viên chức các văn bản về cải cách thủ tục hành chính; thực hiện tốt công tác cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính; giải quyết kịp thời các thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân; tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn; duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động Trang thông tin điện tử của Sở.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ II NĂM 2022

1. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của cơ quan trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, góp phần cải thiện các Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) hàng năm của tỉnh, gắn với phục vụ người dân, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội.

2. Nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, gắn với đẩy mạnh tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của

Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 05/NQ-TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận về đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đến năm 2025; Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của Ủy ban nhân dân.

3. Tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện xây dựng và hoàn thiện thể chế; triển khai chuẩn bị nội dung các Nghị quyết trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2022; thực hiện tốt công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo Chương trình xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2022, nhất là khâu xây dựng chính sách nhằm tạo hành lang pháp lý vững chắc cho phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương.

4. Tiếp tục tổ chức triển khai Quy chế phối hợp hành động thực hiện chỉ số thành phần “Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự” giữa Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh và Cục Thi hành án dân sự tỉnh trong việc thực hiện chỉ số thành phần “Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự”.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị Sở Nội vụ:

1. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 1610/QĐ-UBND và Quyết định số 2254/QĐ-UBND.

2. Tham mưu UBND tỉnh kiến nghị Bộ Nội vụ ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 2636/QĐ-BNV ngày 10/12/2018 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”.

3. Phối hợp tổ chức tập huấn công tác cải cách hành chính cho cán bộ làm công tác cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị và địa phương để kịp thời vận dụng triển khai phù hợp với cải cách hành chính nhà nước tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính Quý I năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ Quý II năm 2022, Sở Tư pháp gửi Sở Nội vụ tổng hợp./.

(Kèm theo Phụ lục kết quả thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính Quý I năm 2022 của Sở Tư pháp)

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo STP;
- Lưu: VT, VP.NVT

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Quyên

UBND TỈNH NINH THUẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC 2
SỞ TƯ PHÁP PHỤ TRÁCH
Cải cách thể chế

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STP ngày /3/2022 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	08	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	0	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	08	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		